

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỞNG THPT LỘC THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
Năm học: 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9					
1	NÔNG THÁI BẢO	06/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Tây	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	Trường PTDTNT THCS huyện Bảo Lâm	TN THCS trường PT DTNT	TT
2	KA THIÊN CHÂM	22/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	10	10	10	40.0	8.7	Trường PTDTNT THCS huyện Bảo Lâm	TN THCS trường PT DTNT	TT
3	KA LÓ MỸ HẠNH	01/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.2	Trường PTDTNT THCS huyện Bảo Lâm	TN THCS trường PT DTNT	TT
4	TRẦN NGUYỄN BẢO TRẦN	14/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	8	9	35.0	7.2	Trường THCS Lộc Thành	Khuyết tật	TT
5	K' LỎ VƯƠNG	21/01/2010	Lâm Đồng	Nam	K ho	1.0		6	9	9	7	32.0	6.9	Trường PTDTNT THCS huyện Bảo Lâm	TN THCS trường PT DTNT	TT
6	K' HOÀNG SUN	02/09/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	9	9	6	31.0	6.6	Trường PTDTNT THCS huyện Bảo Lâm	TN THCS trường PT DTNT	TT
7	NGUYỄN PHẠM HẢI BÀNG	17/10/2007	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	7	27.0	5.7	Trường THCS Lộc Thành	Khuyết tật	TT
8	PHẠM QUANG HUY	06/01/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			5	5	6	7	23.0	5.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng	Khuyết tật	TT
9	NGUYỄN VĨNH KIÊN	19/11/2010	Bình Phước	Nam	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	9.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
10	NGUYỄN VĂN TRUNG	28/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	9.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
11	LÊ NGỌC ANH	29/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
12	KA LÊ THÂM	07/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	K Ho	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
13	KA LY NGUYỄN	20/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
14	ĐỖ HUƠNG DĂNG	02/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	8.9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
15	KA YON ZU SA RAH	05/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		10	10	10	10	41.0	8.9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
16	NGUYỄN QUANG HUY	09/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	8.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
17	NGUYỄN TÂN HUNG	25/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		10	10	10	10	41.0	8.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
18	PHẠM THỊ ỨT NHI	16/01/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh		1.5	10	10	9	10	40.5	8.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
19	ĐÌNH GIA HUY	31/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		1.5	10	10	9	10	40.5	8.3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
20	NGUYỄN NGỌC BẢO QUYẾN	09/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
21	LÊ THỊ NGỌC HUƠNG	06/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
22	KHÚC PHẠM PHƯƠNG THỦY	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
23	ĐỖ PHẠM ANH TUYẾT	18/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
24	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	11/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Chí chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
25	TẠ MINH KHANG	05/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,5	17,7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
26	VŨ THỦY LINH	22/02/2010	Nam Định	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,4	18,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
27	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	30/03/2010	Bến Tre	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,4	18,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
28	NGUYỄN BÙI KHÁNH LINH	11/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,4	17,7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
29	TRẦN KHÁNH LY	28/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,4	17,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
30	NGUYỄN TRƯỞNG TÀI	10/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	18,7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
31	PHAN LƯU BÁO TRÂM	31/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	18,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
32	TRẦN THỊ THU HIỀN	10/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	18,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
33	PHAN THỊ NGỌC LOAN	15/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	18,2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
34	NGUYỄN GIA BẢO	25/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	17,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
35	HUYỀN NHẬT PHI	22/02/2010	Bình Định	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,3	17,4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
36	TRẦN THẮNG LONG	19/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	18,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
37	VŨ MAI DUYỀN	31/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	17,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
38	TRẦN NGUYỄN THIÊN ẮN	08/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,2	16,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
39	LÊ VIỆT QUỐC	20/03/2010	Bình Định	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	18,1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
40	LÊ THỦY DUNG	17/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	18,0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
41	LÂM HUỠNH THẢO MY	03/05/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	17,9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
42	PHÙNG THỊ BÍCH DUNG	17/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	17,6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
43	KA JU LY SƠ	06/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1,0		9	10	10	10	40,0	9,1	16,3	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
44	ĐOÀN NGỌC DIỄM	11/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,1	16,2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
45	NGUYỄN LÊ TRÚC LINH	30/10/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,0	17,1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
46	MAI THANH TRÚC	13/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,0	17,0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
47	PHẠM QUỲNH ANH	24/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,0	16,6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
48	VŨ ANH ĐỨC	21/09/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	9,0	16,0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
49	TRƯƠNG THỊ HỒNG NGỌC	20/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,9	16,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
50	LÊ THỊ MINH THU	15/02/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,8	17,3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
51	PHẠM LÊ QUỲNH NHƯ	02/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,8	17,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
52	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,8	15,3	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
53	NGUYỄN VŨ ĐẠI	02/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	16,8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
54	NGÔ XUÂN HAI	14/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,7	15,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
55	HOÀNG NGUYỄN LINH NHỊ	19/10/2010	Hà Nam	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40,0	8,6	17,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
56	MAI LÊ BẢO NGỌC	12/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
57	TRẦN THỊ THANH TRÚC	09/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	15.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
58	PHẠM THANH TRÚC	30/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	16.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
59	NGÔ LÊ TÂM NHƯ	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	16.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
60	PHẠM HÀ VÂN	26/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	16.0	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
61	VŨ TUẤN MINH	18/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	15.3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
62	NGUYỄN LONG TRỌNG HIẾU	22/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.4	14.4	Trường THCS Lộc Thành		NV1
63	NGUYỄN BẢO THIÊN THANH	09/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.4	17.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
64	VŨ PHƯƠNG NHI	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.1	16.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
65	ĐINH THỊ NHƯ QUỲNH	28/01/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.1	16.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
66	LÂM THỊ MINH THƯ	19/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.9	17.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
67	CHU QUỐC THỊNH	12/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0		9	10	9	10	39.0	8.7	16.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
68	NGUYỄN ĐỨC THANH HẢI	18/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.7	15.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
69	HOÀNG GIA HUY	22/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.6	16.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
70	TRẦN NGUYỄN NHƯ Ý	08/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.6	16.4	Trường THCS Lộc Thành		NV1
71	ĐÀO THỊ THẢO NGỌC	25/11/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.5	17.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
72	NGUYỄN NGỌC KIỀU TRÂM	26/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.5	16.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
73	NÔNG THỊ TRÀ MỊ	29/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0		9	9	10	10	39.0	8.5	15.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
74	ĐỒNG THẢO NHI	23/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.4	16.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
75	HÀ TRUNG DŨNG	13/07/2010	Đồng Nai	Nam	Hoa	1.0		10	9	9	10	39.0	8.4	15.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
76	HỒ GIA BẢO	04/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.3	16.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
77	NGUYỄN QUỐC THÀNH	31/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.3	15.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
78	LÊ THỊ BẢO THI	09/08/2010	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.0	16.6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
79	TRẦN THỊ MỸ HẰNG	26/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	10	10	10	38.0	9.4	18.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
80	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	19/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	9.0	16.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
81	PHẠM HOÀNG TUẤN	22/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			8	10	10	10	38.0	8.9	17.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
82	VŨ THỊ MINH HÀNG	30/01/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38.0	8.9	16.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
83	HỒ TIẾN LỘC	06/09/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.9	16.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
84	TRẦN ĐIỀU MỸ	06/08/2010	Kiên Giang	Nữ	Kinh	1.0		7	10	10	10	38.0	8.6	16.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
85	TRÀ PHAN ANH TRÍ	02/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	10	38.0	8.6	16.1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
86	KA XOA	09/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	9	9	10	38.0	8.6	14.3	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
87	PHẠM THÁNH ĐOÀN	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	10	10	10	38,0	8,5	16,6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
88	PHẠM NHƯ MẠI	07/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,5	16,2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
89	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG TRANG	16/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10	38,0	8,5	15,0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
90	HOÀNG PHẠM VĂN ANH	27/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10	38,0	8,4	16,3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
91	NGUYỄN VÕ NGUYỆT ANH	05/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	10	38,0	8,4	16,2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
92	ĐOÀN NGỌC UYÊN NHỊ	16/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		9	9	9	10	38,0	8,4	15,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
93	KA THUỖ TRÚC	11/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1,0		9	9	9	10	38,0	8,4	14,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
94	PHẠM THỀ ANH	05/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	10	38,0	8,4	14,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
95	ĐÀO MẠI ANH	13/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10	38,0	8,3	16,9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
96	THÔNG KỲ GIANG	22/02/2010	Đồng Nai	Nam	Hoa	1,0		9	9	9	10	38,0	8,3	15,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
97	PHAN THÚY KHÁNH LY	10/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	10	38,0	8,3	14,7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
98	KA HỒNG NGỌC	11/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1,0		9	9	9	10	38,0	8,3	14,2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
99	TRẦN HOÀNG BẢO SƠN	10/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	9	10	38,0	8,2	15,6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
100	KA YONG QUỲNH NHƯ	23/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1,0		9	9	10	9	38,0	8,2	14,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
101	LÊ NGỌC TÚ THI	03/01/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	10	10	9	38,0	8,1	15,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
102	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	19/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh			10	9	10	9	38,0	8,1	14,1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
103	DƯƠNG THỊ CẨM LY	28/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10	38,0	8,1	13,9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
104	NGUYỄN THANH PHƯỚC	10/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	9	38,0	7,9	13,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
105	CHÍ CỎNG VÀY	25/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1,0		10	9	9	9	38,0	7,5	13,8	Trường TH & THCS Vừ A Dinh		NV1
106	NGUYỄN PHAN HÓA BÌNH	04/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		1,5	9	9	9	9	37,5	7,4	14,4	Trường THCS Lộc Thành		NV1
107	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	26/01/2010	Hà Nam	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,7	17,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
108	BÙI NGUYỄN QUỐC ANH	29/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,7	16,0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
109	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	19/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,6	15,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
110	PHẠM HUỲNH TRẦN	02/12/2010	Gia Lai	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,5	16,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
111	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	26/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,5	16,1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
112	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	18/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,4	16,3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
113	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	25/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,4	15,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
114	ĐINH KHÁNH LINH	30/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37,0	8,4	14,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
115	THẠCH PHẠM PHA VY	09/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Khor me	1,0		9	9	9	9	37,0	8,3	14,2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
116	NGUYỄN THU TRANG	05/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9	37,0	8,2	16,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
117	VŨ THỊ NHƯ PHỤNG	26/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	9	37,0	8,2	16,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
118	NGUYỄN THỊ THẢO VI	01/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	9	37,0	8,2	16,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
119	HOÀNG THỊ KIM	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9	37,0	8,2	15,5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
120	ĐOÀN VŨ YẾN	NHI	Quảng Nam	Nữ	Kinh			10	9	9	9	37,0	8,0	15,9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
121	VY XUÂN THIÊN	PHÚ	Lâm Đồng	Nam	Tày	1,0		9	9	9	9	37,0	8,0	14,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
122	K' QUỐC	TRÌNH	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1,0		9	9	9	9	37,0	7,9	15,5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
123	NÔNG LÊ BÁO	NAM	Lâm Đồng	Nam	Tày	1,0		9	9	9	9	37,0	7,9	14,1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
124	LÊ THỊ THANH	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	9	37,0	7,8	14,0	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
125	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9	37,0	7,7	14,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
126	K' XU	XU	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1,0		9	9	9	9	37,0	7,6	14,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
127	HUỶNH GIA	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	9	37,0	7,6	13,8	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
128	KA SA	HI	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	1,0		9	9	9	9	37,0	7,6	11,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
129	TRINH ĐÌNH	QUANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	9	37,0	7,4	14,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
130	LÂM TRẦN HIỀN	TỊNH	Trà Vinh	Nam	Kinh			10	9	9	9	37,0	7,4	13,9	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
131	HOÀNG THỊ NGỌC	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1,0		9	9	9	9	37,0	7,1	13,2	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
132	NGUYỄN NGỌC	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	9	9	36,0	8,6	14,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
133	PHAN TRẦN TIẾN	HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	36,0	8,5	16,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
134	HOÀNG THỊ THẢO	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,2	14,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
135	TRẦN HỮU	LÝ	Bình Định	Nam	Kinh			8	9	9	9	36,0	8,2	14,0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
136	TRẦN THỊ LAN	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	9	9	36,0	8,1	16,3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
137	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,1	15,7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
138	HÀ CẨM	TÚ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,1	15,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
139	PHẠM HOÀNG KIM	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,1	14,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
140	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,1	14,3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
141	PHAN THỊ THANH	MAI	Ninh Bình	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,1	14,1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
142	NGUYỄN THẢO	TRÌNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,0	15,0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
143	TRẦN THANH	BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,0	14,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
144	NGÔ QUANG	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,0	14,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
145	ĐẶNG VIỆT	SANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,0	14,2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
146	NGUYỄN HOÀNG HẢI	YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	8,0	13,9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
147	TẠ LƯƠNG BẢO	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,9	15,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
148	NGUYỄN GIA	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,9	14,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
149	HÀ HOÀNG	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,9	14,8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
150	LÊ THANH	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,9	14,7	Trường THCS Lộc Thành		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thăng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
151	TRẦN THỊ HUỖN	12/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,9	12,8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
152	NGUYỄN THÁI	05/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,8	15,6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
153	NGUYỄN HOÀNG NAM	08/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,8	14,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
154	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	29/11/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,8	14,0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
155	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	15/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,8	13,7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
156	LÊ GIA	18/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,7	14,6	Trường TH & THCS Vừ A Đình		NV1
157	NGUYỄN TRẦN TÂN	10/02/2010	Nam Định	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,7	13,7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
158	LƯU NGỌC DUNG	18/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,7	13,6	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
159	NGUYỄN KHÁNH CHI	03/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,7	13,2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
160	NGUYỄN KHÁNH AN	04/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,6	13,9	Trường TH & THCS Vừ A Đình		NV1
161	TRẦN NGỌC ÁNH	21/01/2010	Bình Dương	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,6	13,9	Trường TH & THCS Vừ A Đình		NV1
162	TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN	13/07/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,6	13,8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
163	TÀNG THỊ THUY DƯƠNG	29/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,6	13,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
164	NGUYỄN VĂN TUÂN KHANH	09/06/2010	Bình Thuận	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,6	12,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
165	NGUYỄN KHÁNH NGOC	29/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,5	13,6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
166	PHẠM THỊ HÀ VY	04/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,5	13,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
167	BUI PHÚC NGUYỄN	11/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,5	12,9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
168	NGUYỄN THANH KIÊN	03/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,4	13,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
169	ĐINH HỮU GIA TƯỜNG	02/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,4	13,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
170	ĐINH DANH KIÊN	17/09/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,4	12,3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
171	NGÔ HOÀNG ANH	07/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,3	13,4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
172	VŨ NHƯ NGOC	02/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,2	13,0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
173	PHẠM VĂN SANG	11/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36,0	7,1	13,3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
174	HOÀNG GIA BẢO	29/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1,0		9	8	9	9	36,0	6,9	12,0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
175	HUỖNH GIA LONG	17/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	7	9	10	35,0	8,6	16,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
176	PHẠM TRẦN GIA BẢO	12/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1,0		7	9	9	9	35,0	8,3	15,5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
177	LÊ QUANG HUY	04/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	35,0	8,2	15,7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
178	TRẦN PHƯƠNG UYỄN	12/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1,0		9	7	9	9	35,0	8,0	13,2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
179	JANG BO KA THI	09/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1,0		9	7	9	9	35,0	7,9	13,6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
180	KA HIỂN	06/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1,0		9	9	7	9	35,0	7,8	15,1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
181	ĐIẾU ĐỨC SƠN	06/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu do	1,0		9	7	9	9	35,0	7,8	12,9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
182	NGUYỄN THẾ HIỀN	13/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	35.0	7.8	12.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
183	KA BÍCH	14/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	7	9	9	35.0	7.7	13.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
184	VÔ THỊ NGỌC TRÂM	13/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	8	9	9	35.0	7.7	12.9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
185	LÂM NGHĨA MINH	30/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		7	9	9	9	35.0	7.7	12.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
186	LÊ TUẤN HẢI	26/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	35.0	7.6	14.6	Trường THCS Lộc Thành Đồng		NV1
187	ĐỖ QUỐC THIÊN	23/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	9	9	35.0	7.6	14.2	Trường THCS Lộc Thành Đồng		NV1
188	BUI HUYNH NHƯ Ý	25/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	9	7	9	35.0	7.4	13.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
189	ĐINH HOÀNG TÙNG	22/03/2010	Thanh Hóa	Nam	Mường	1.0		9	9	7	9	35.0	7.3	14.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
190	LÝ THIÊN NHƯ	01/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0		9	9	7	9	35.0	7.2	13.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
191	K' NGUYỄN NICK	30/08/2010	Ninh Thuận	Nam	Cơ-ho	1.0		7	9	9	9	35.0	7.2	11.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
192	TRẦN PHONG THUẬN	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	35.0	7.1	12.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
193	PHẠM HẢI HOÀI	28/12/2010	Thanh Hóa	Nữ	Mường	1.0		9	7	9	9	35.0	6.9	11.9	Trường TH & THCS Vừ A Dinh		NV1
194	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	07/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	6	10	34.0	8.3	16.6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
195	ĐOÀN GIA YẾN	03/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.9	16.6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
196	PHAN ĐỖ ANH THỤ	30/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.9	14.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
197	LÂM THỊ BẢO YẾN	17/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.6	13.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
198	PHẠM THỊ TRUNG ANH	30/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.6	12.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
199	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	31/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.5	14.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
200	NGUYỄN HỒNG THÁI	24/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.4	14.3	Trường TH & THCS Vừ A Dinh		NV1
201	NGÔ LÊ KHÁNH NHƯ	30/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.4	12.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
202	ĐỖ QUANG DŨNG	27/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.2	14.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
203	NGUYỄN KIM ANH	01/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	9	34.0	7.1	12.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
204	VŨ THANH BÌNH	13/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	7	34.0	7.1	12.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
205	TRẦN VŨ ANH THỤ	03/04/2010	Bình Định	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.0	13.3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
206	DƯƠNG LÊ ĐỖ QUYÊN	08/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	7	34.0	7.0	12.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
207	NGÔ THỊ HIỀN	16/02/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.0	12.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
208	VŨ NGỌC THIÊN	12/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	7	34.0	7.0	11.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
209	LÊ QUANG TRƯỜNG	07/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	9	34.0	6.9	13.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
210	NGÔ NGUYỄN BẢO ĐÔNG	28/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	9	9	34.0	6.9	13.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
211	NGUYỄN QUỐC THỊNH	21/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	9	34.0	6.7	11.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
212	HOÀNG ANH THUẬN	08/02/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	7	34.0	6.6	11.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
213	DAM BLA K' JOAN TY	13/02/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0	1.5	7	6	9	9	33.5	7.7	12.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
214	ĐẶNG THỊ BẢO NHƯ	10/04/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			8	9	6	10	33.0	8.5	16.0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
215	NGUYỄN MAI THÙY	01/09/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			6	8	9	10	33.0	8.3	13.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
216	HÀ QUỐC BẢO NAM	30/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	8	9	33.0	7.5	12.4	Trường THCS Lộc Thành		NV1
217	KA CHI	11/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	9	7	9	33.0	7.4	12.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
218	PARK NGUYỄN HÂN VIỆT	23/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	8	9	33.0	7.2	12.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
219	LÂM NGỌC ANH THƯ	31/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0		9	7	7	9	33.0	7.2	12.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
220	KA THỊ MỸ NUÔNG	19/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		9	9	7	7	33.0	7.2	11.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
221	NGUYỄN MINH HIẾU	11/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	8	9	9	33.0	7.1	12.0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
222	LÊ HOÀNG PHÚC	23/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	6	33.0	7.0	12.7	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
223	KA LY	06/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	9	7	9	33.0	7.0	12.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
224	KA XUÂN	12/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	7	9	7	33.0	6.9	12.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
225	KA ZU NHƯ	29/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		9	7	9	7	33.0	6.7	12.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
226	KA DU MINH THUYẾT	08/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		9	6	7	9	32.0	7.9	13.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
227	TRẦN HOÀNG THANH HẠ	23/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.7	15.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
228	NGUYỄN PHƯƠNG THUY	11/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	8	6	9	32.0	7.6	15.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
229	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	09/09/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.6	14.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
230	DƯƠNG ĐỨC TOÀN	05/10/2010	Bắc Giang	Nam	Kinh			6	9	8	9	32.0	7.5	14.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
231	HOÀNG MINH NHẬT	12/04/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.5	13.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
232	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	22/11/2009	Bình Dương	Nữ	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.4	12.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
233	NGUYỄN CÔNG LÂM	11/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.3	14.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
234	NGUYỄN CÔNG MẠNH	22/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.3	13.8	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
235	TRẦN THÀNH ĐẠT	28/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.3	12.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
236	KA LƯƠNG THỊ MINH ANH	02/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		6	9	7	9	32.0	7.2	13.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
237	TRẦN THỊ BẢO CHI	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	9	7	9	32.0	7.2	12.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
238	ÔNG TẤN TRƯỜNG	18/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Tây	1.0		6	7	9	9	32.0	7.2	12.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
239	VŨ NGUYỄN NHƯ THÀNH	17/08/2010	Đắk Nông	Nam	Kinh			9	7	9	7	32.0	7.2	11.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
240	TRẦN HUY HOÀNG NHI	03/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.1	13.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
241	PHẠM THỊ KIỀU DIỄM	13/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.0	13.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
242	NGUYỄN HỒNG NGỌC	27/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.0	12.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
243	PHẠM KHÁNH BĂNG	28/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	8	8	7	32.0	7.0	12.5	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
244	NGUYỄN NÔNG PHƯƠNG HUYỀN	26/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	1.0		6	9	9	7	32.0	7.0	11.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
245	LÊ NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	08/06/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	9	7	7	32.0	7.0	11.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
246	NGÔ TRUNG HIẾU	16/08/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh			7	9	9	7	32.0	6.9	11.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
247	NGUYỄN MẬU QUỐC ANH	10/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	7	32.0	6.7	12.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
248	NGUYỄN PHÚC TÀI	18/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	7	7	32.0	6.6	11.6	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
249	KA NHỐT	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	8	9	7	32.0	6.5	11.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
250	ĐÀO XUÂN HIẾU	27/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	7	7	32.0	6.4	11.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
251	LÊ THỊ YẾN NHI	29/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	9	7	9	31.0	7.5	12.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
252	KA POA ZU SUN HY	20/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	7	7	9	31.0	7.3	11.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
253	KA THỎA	02/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	7	7	9	31.0	7.2	13.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
254	MAI TRẦN TRUNG THÀNH	21/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	7	7	9	31.0	7.2	13.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
255	KA ĐIỆP	18/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	KHo	1.0		7	7	7	9	31.0	7.0	12.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
256	TRẦN NGỌC THUY TIẾN	08/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	9	30.0	7.9	15.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
257	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÁU	09/09/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			7	7	7	9	30.0	7.8	14.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
258	NGÔ THỊ MỸ DUYỀN	20/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	6	6	9	30.0	7.3	14.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
259	THÂN NGUYỄN KHANG	03/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	6	7	9	30.0	7.3	12.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
260	PHẠM NGỌC HÂN	13/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	6	7	7	30.0	7.1	13.3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
261	HUỶNH YẾN NHI	18/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	5	8	30.0	7.0	12.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
262	VÔ HOÀNG GIA HUY	01/11/2010	Hầu Giang	Nam	Kinh			7	9	7	7	30.0	6.9	11.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
263	ĐẶNG HOÀNG PHI LONG	18/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	9	30.0	6.7	11.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
264	K' QUẢN	20/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Co-ho	1.0		7	7	9	6	30.0	6.4	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
265	TRẦN CÔNG ĐỊNH	06/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	6	6	30.0	6.3	13.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
266	K' LỖ SÂM GOÀNG	05/09/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		9	7	7	6	30.0	6.2	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
267	K' ĐẠT	05/03/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	9	6	7	30.0	6.2	10.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
268	PHẠM ĐĂNG KHÔI	06/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	9	29.0	7.1	12.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
269	KA KHĂN	01/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	29.0	7.0	11.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
270	PHẠM ANH TUẤN	15/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	7	7	7	29.0	6.9	12.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
271	TRẦN NGỌC LINH	08/10/2010	Nam Định	Nữ	Kinh			6	7	9	7	29.0	6.9	11.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
272	KA YẾN NHI	09/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.9	11.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
273	VÔ DUY NHẬT	12/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	7	7	7	29.0	6.8	11.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
274	K' DƯƠNG MINH TRIỀU	15/02/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	8	7	6	29.0	6.8	11.6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
275	KA THỊ NANG	04/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.8	10.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
276	NGUYỄN LONG NHẬT	12/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	9	29.0	6.7	12.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
277	NGUYỄN HOÀNG DUY	20/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	8	7	29.0	6.7	11.6	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
278	VŨ THỊ KIM LIÊN	23/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	7	6	7	29.0	6.6	11.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
279	NGUYỄN TOÀN THĂNG	15/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	29.0	6.5	10.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyên thi	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
280	KA HUỆ	14/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.5	10.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
281	K' NGUYỄN THANH QUẢN	24/03/2010	Bình Thuận	Nam	K' ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.4	10.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
282	PHẦN VĂN LÂM	07/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Dao	1.0		7	7	7	7	29.0	6.3	11.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
283	KA HẠNH	27/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.3	10.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
284	LÝ THÀNH ĐẠT	08/05/2010	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.2	11.5	Trường TH & THCS Vừ A Dính		NV1
285	K' SIN RUẢN	05/07/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.2	10.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
286	KA HỒNG	26/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	7	7	7	29.0	6.0	9.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
287	KA KIM HÁNG	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		7	7	7	7	29.0	5.8	9.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
288	KA HUYỀN H	17/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	7	7	7	29.0	5.6	9.8	Trường THCS Lộc Nam		NV1
289	NGUYỄN LÝ THIÊN HÀ	25/06/2010	Nam Định	Nam	Kinh			5	7	7	9	28.0	7.4	13.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
290	TRẦN KHÁNH DUY	23/10/2010	Hà Tĩnh	Nam	Kinh			6	7	6	9	28.0	7.4	11.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
291	PHẠM QUANG MINH	13/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	9	7	28.0	7.3	14.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
292	NGUYỄN MINH HOÀNG	01/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	9	28.0	7.2	13.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
293	ĐỖ TRỌNG MINH	24/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	7.0	12.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
294	TRẦN KHẢ HÂN	22/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	8	7	28.0	6.9	11.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
295	NGUYỄN PHÚC KHANG	30/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	9	28.0	6.9	11.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
296	KA LAM ANH	21/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		7	7	6	7	28.0	6.9	11.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
297	NGÔ PHÚC AN KHANG	04/11/2010	Bình Phước	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.7	11.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
298	KA MỸ PHƯƠNG	20/07/2009	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		7	7	6	7	28.0	6.7	11.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
299	K' LỘC NGUYỄN	05/02/2010	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		6	6	8	7	28.0	6.6	11.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
300	TRẦN HOÀI AN	26/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	6	6	28.0	6.5	11.0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
301	NGUYỄN ĐOÀN BÁO KHANG	17/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.5	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
302	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	15/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Dao	1.0		7	7	6	7	28.0	6.5	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
303	K' SI NI	12/11/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	8	6	6	28.0	6.5	10.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
304	K' MINH TRÍ	12/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Co-ho	1.0		7	7	6	7	28.0	6.5	10.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
305	MAI HOÀNG TIẾN	02/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.4	10.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
306	TRẦN MINH ĐÔNG	21/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.3	11.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
307	K' HẢI ĐĂNG	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	7	6	7	28.0	6.3	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
308	KA THE	10/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	6	7	7	28.0	6.3	9.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
309	LƯU TRẦN HOÀNG MINH	23/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.2	11.7	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
310	K' ANG	14/04/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	7	7	7	28.0	6.2	11.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
311	NGUYỄN PHAN THANH TÂN	22/10/2010	Trung Quốc	Nam	Kinh			9	6	6	7	28.0	6.2	10.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
312	KA SA HAN	22/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	6	7	7	28.0	6.1	10.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
313	TRẦN GIA HUY	22/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	6	6	28.0	6.1	10.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
314	K' SAM LUÂN	14/09/2010	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		6	7	7	7	28.0	6.1	10.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
315	PHAN VĂN DŨNG	22/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	6	7	7	28.0	5.7	10.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
316	TRẦN QUỐC HUNG	01/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	5.7	10.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
317	TRẦN VĂN TUẤN	04/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	5.6	9.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
318	HOÀNG VĂN BẢO	14/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	6	27.0	7.0	12.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
319	KA DIU	11/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		6	7	7	6	27.0	6.9	11.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
320	ĐOÀN THỊ TRANG	22/04/2010	Nam Định	Nữ	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.8	11.0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
321	NGUYỄN KIM TUYẾN	14/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.7	11.1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
322	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	16/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	9	27.0	6.6	10.5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
323	VÕ NGỌC XUÂN NGUYỄN	01/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	6	7	27.0	6.5	13.3	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
324	DƯƠNG CHÁN HUNG	09/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	6.4	11.9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
325	ĐỖ TẤN TÀI	01/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.4	11.6	Trường THCS Lộc Thành		NV1
326	K' BROI	25/12/2009	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	6	6	7	27.0	6.4	11.3	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
327	KA XIÊM HUYỀN TRÂM	29/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		6	6	7	7	27.0	6.4	11.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
328	K' ANH	22/02/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		7	7	6	6	27.0	6.0	10.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
329	HOÀNG THANH HUNG	21/02/2009	Thái Nguyên	Nam	Tây	1.0		7	7	6	6	27.0	5.7	9.6	Trường THCS Lộc Nam		NV1
330	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	03/10/2010	Nam Định	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	5.6	10.3	Trường TH & THCS Vừ A Dinh		NV1
331	BÙI HUY VIỆT	28/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	5.5	10.1	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
332	TRẦN NHƯ' THỌ	13/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	7	26.0	7.0	11.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
333	ĐINH DANH ANH DUY	11/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	7	26.0	7.0	11.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
334	TRẦN THÁI HIẾN	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			5	7	7	7	26.0	6.9	11.0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
335	NGUYỄN THỌ PHƯỚC	01/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	7	26.0	6.8	13.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
336	NGUYỄN HOÀNG THIÊN LONG	13/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	5	9	6	26.0	6.8	11.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
337	LÊ TẤN DŨNG	14/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	7	26.0	6.7	13.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
338	PHẠM ĐĂNG KHOA	07/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	6	26.0	6.7	12.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
339	TRẦN CAO GIA HUY	01/09/2010	Phú Yên	Nam	Kinh			6	7	6	7	26.0	6.7	11.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
340	KA THUỜNG	23/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		7	6	6	6	26.0	6.7	11.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
341	TRẦN DUY PHÚC	08/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	7	6	26.0	6.7	10.9	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
342	K' LỢI	16/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0		6	6	6	7	26.0	6.7	10.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
343	K' YU CHIN	08/08/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	6	6	7	26.0	6.7	10.4	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
344	K' VINH	22/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Co-ho	1.0		6	6	6	7	26.0	6.6	11.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
345	KA MY	17/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	1.0		6	6	6	7	26.0	6.6	11.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
346	PHẠM NGỌC HÀI	29/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		6	6	6	7	26.0	6.6	11.0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
347	PHẠM THÚY MỸ	18/06/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			6	7	7	6	26.0	6.6	10.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
348	KA THO	12/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Co-ho	1.0		6	6	6	7	26.0	6.3	10.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
349	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	28/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	7	6	26.0	6.2	11.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
350	NGUYỄN QUỐC VIỆT	04/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		6	6	6	7	26.0	6.2	10.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
351	K' VÂN TÚ	25/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Co-ho	1.0		6	6	6	7	26.0	5.8	10.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
352	K' TRƯỞNG	29/06/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	6	6	7	26.0	5.8	9.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
353	HOÀNG NGUYỄN TRUNG KIẾN	03/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			7	6	7	6	26.0	5.8	8.9	Trường THCS Lộc Nam		NV1
354	K' SA SAM THÔNG	06/07/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	7	6	6	26.0	5.7	10.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
355	NGUYỄN TRUNG HIẾU	12/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	6	26.0	5.7	10.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
356	K' DUỜNG	07/12/2010	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		6	6	7	6	26.0	5.7	9.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
357	K' NGUYỄN MINH KHANH	07/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Co-ho	1.0		7	6	6	6	26.0	5.4	8.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
358	LIU MINH HOÀNG	13/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	5	5	9	25.0	7.4	12.5	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
359	NGUYỄN ĐOÀN GIA BẢO	19/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	5	5	9	25.0	6.9	12.0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
360	TRẦN GIA DIỆM MY	12/07/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh			7	6	5	7	25.0	6.7	12.2	Trường THCS Lộc Nam		NV1
361	NGUYỄN VŨ THÁI	30/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	6	25.0	6.7	11.8	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
362	TRẦN PHÚC THÁI	27/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.6	11.8	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
363	K' THÌNG	26/02/2010	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		6	6	6	6	25.0	6.6	10.0	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
364	NGUYỄN ĐẠI VIỆT	13/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.4	11.1	Trường THCS Lộc Thành		NV1
365	K' NGUYỄN MINH KHÔI	21/03/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	6	6	6	25.0	6.4	10.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
366	VŨ NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	08/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.3	11.7	Trường THCS Lộc Thành		NV1
367	LÊ THANH LIÊM	26/07/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh			7	6	6	6	25.0	6.3	11.1	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
368	K' CHƯỜNG	27/10/2008	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		6	6	6	6	25.0	5.9	10.3	Trường THCS Lộc Thành		NV1
369	BỒ ĐAM HUNG	20/09/2010	Lâm Đồng	Nam	K' Ho	1.0		6	6	6	6	25.0	5.8	10.0	Trường THCS Lộc Nam		NV1
370	PHAN HỮU CHÍ	12/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	6	25.0	5.6	8.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
371	LÊ HOÀNG PHÚ	16/09/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	6	25.0	5.2	10.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
372	TRẦN MINH KHANG	19/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	6	25.0	5.1	9.3	Trường THCS Lộc Nam		NV1
373	PHẠM ANH KIẾT	14/10/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	1.0		6	5	6	6	24.0	6.9	11.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	DTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
374	ĐẶNG NGỎ BẢO	15/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			5	6	6	7	24.0	6.6	11.7	Trường TH & THCS Nguyễn Bình Khiêm		NV1
375	NGUYỄN TRUNG	28/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	6	24.0	6.4	9.9	Trường THCS Lộc Thành		NV1
376	TRẦN DUY	25/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	5	24.0	6.3	10.4	Trường THCS Lộc Nam		NV1
377	ĐÀO TUẤN	15/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	5	6	24.0	6.1	10.2	Trường THCS Lộc Thành		NV1
378	PHẠM NGUYỄN	10/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	5	24.0	6.1	10.1	Trường THCS Lộc Nam		NV1
379	K' YONG	17/10/2010	Lâm Đồng	Nam	K' ho	1.0		5	6	6	6	24.0	6.1	9.7	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
380	NGUYỄN HOÀNG	10/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	6	24.0	5.6	9.5	Trường THCS Lộc Nam		NV1
381	LÊ HẢI	18/08/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	6	24.0	5.5	9.7	Trường THCS Lộc Nam		NV1
382	VŨ MINH	20/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	5	5	6	22.0	6.6	11.2	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
383	NGUYỄN MINH	06/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			5	5	6	6	22.0	6.1	10.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1

Danh sách này có 383 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 383 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 8 HS gồm: HS trường PT DTNT : 5 HS, HS khuyết tật: 3 HS
- Số HS nguyện vọng 1: 375 HS,
Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 22.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.1 Điểm; Điểm Toán + Văn: 10.8 điểm
- Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,
- Số lớp: 9 lớp. Sĩ số: 43 HS/lớp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỜNG HỌC
PHỔ THÔNG
LỘC THÀNH
TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Hoàng Vũ

03 tháng 07 năm 2025
K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Lợi